

**KẾ HOẠCH**

**Phát triển chính quyền số và đảm bảo  
an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan nhà nước  
tỉnh Nam Định năm 2022**

**Phần I**

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2021**

Năm 2021, việc triển khai các nhiệm vụ trong phát triển chính quyền số trên địa bàn tỉnh Nam Định đạt được nhiều kết quả tích cực. Thông qua công tác triển khai các đề án, dự án, kế hoạch về CNTT, kết hợp với việc thực thi các giải pháp về xây dựng môi trường chính sách, đảm bảo đủ nguồn nhân lực, tổ chức triển khai, đào tạo, tuyên truyền phổ biến,... đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển chính quyền số. Hiệu quả công tác quản lý nhà nước được nâng cao. Môi trường và phong cách làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức từng bước được cải thiện theo hướng hiện đại. Nguồn nhân lực CNTT từng bước đáp ứng nhu cầu ứng dụng và phát triển CNTT của tỉnh. Năng suất, chất lượng giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) được cải thiện. Mức độ hài lòng của người dân ngày một tăng cao. Chính quyền số của tỉnh từng bước được hình thành, phù hợp với bối cảnh phát triển của tỉnh và định hướng phát triển Chính phủ số, cơ bản đảm bảo thực hiện được các mục tiêu mà tỉnh đã đề ra, cụ thể như sau:

**I. MÔI TRƯỜNG PHÁP LÝ**

Thời gian qua, UBND tỉnh đã chỉ đạo, ban hành nhiều văn bản về ứng dụng CNTT bao gồm: Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 28/02/2020 của UBND tỉnh về việc triển khai thí điểm dịch vụ Đô thị thông minh tỉnh Nam Định; Quyết định số 3152/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 về việc phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin; Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Nam Định giai đoạn 2021- 2025. định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 25/12/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Nam Định giai đoạn 2021 - 2025.

Việc xây dựng và ban hành các văn bản trong công tác chỉ đạo điều hành của tỉnh đối với lĩnh vực ứng dụng và phát triển CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng phục vụ

CCHC, phục vụ cung cấp trao đổi thông tin với người dân cơ bản đáp ứng yêu cầu và được triển khai áp dụng có hiệu quả trong thực tiễn, tạo sự đồng bộ, thống nhất trong hoạt động phát triển ứng dụng CNTT tại địa phương.

Trong thời gian tới, tỉnh sẽ tiếp tục nghiên cứu, rà soát và ban hành hệ thống văn bản liên quan nhằm bổ sung, hoàn thiện các quy định về triển khai xây dựng Chính quyền số của tỉnh.

## **II. HẠ TẦNG KỸ THUẬT**

Hạ tầng CNTT dùng chung của tỉnh đã được nâng cấp đáp ứng nhu cầu phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo điều hành được an toàn, thông suốt; 100% cơ quan, địa phương được đầu tư trang thiết bị CNTT, lắp đặt hệ thống mạng LAN, kết nối Internet tốc độ cao; 100% cơ quan kết nối mạng diện rộng, mạng truyền số liệu chuyên dùng từ cấp tỉnh đến cấp xã; 100% cán bộ, công chức có máy tính kết nối Internet phục vụ công tác chuyên môn. Trung tâm Dữ liệu tỉnh được vận hành ổn định các thiết bị phần cứng, phần mềm cơ bản đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn, an ninh thông tin.

## **III. CÁC HỆ THỐNG NỀN TẢNG.**

Triển khai hiệu quả các hệ thống thông tin (HTTT) nền tảng dùng chung của Quốc gia: Hệ thống cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia về TTHC, HTTT về văn bản quy phạm pháp luật, HTTT lý lịch tư pháp, HTTT quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hệ thống CSDL quốc gia về khiếu nại, tố cáo, hệ thống CSDL về cán bộ công chức giúp xây dựng môi trường nhập dữ liệu và khai thác dữ liệu thống nhất từ Trung ương tới địa phương trên môi trường mạng; cung cấp kịp thời, chính xác các thông tin quản lý.

Xây dựng và triển khai có hiệu quả các HTTT nền tảng, dùng chung của tỉnh: Phần mềm Quản lý văn bản và điều hành, Phần mềm Một cửa điện tử tích hợp Cổng cung cấp dịch vụ công; Chứng thư số chuyên dùng, Cổng thông tin điện tử, phần mềm Quản lý cán bộ công chức, phần mềm Quản lý Thư điện tử công vụ.

## **IV. PHÁT TRIỂN DỮ LIỆU.**

Các CSDL dùng chung về cung cấp dịch vụ công (CSDL TTHC, CSDL văn hóa, du lịch, CSDL người dùng, CSDL kết quả giải quyết TTHC) đã được xây dựng, hoàn thiện, sẵn sàng kết nối, liên thông với nền tảng tích hợp LGSP của tỉnh, chia sẻ dữ liệu quốc gia NGSP. Các CSDL ứng dụng HTTT địa lý (GIS) dùng chung (CSDL nền địa hình, CSDL địa chính, CSDL quy hoạch sử dụng đất, đô thị, giao thông tỉnh, đầu tư, CSDL hiện trạng sử dụng đất, xây dựng, dự án đầu tư, thống kê), các HTTT và CSDL GIS chuyên ngành về y tế, du lịch, viễn thông, lao động được xây dựng hoàn thành và đưa vào khai thác, sử dụng. Tiếp tục cập nhật, mở rộng và phát triển các CSDL chuyên ngành về quản lý đất đai, đăng ký kinh doanh, dự án đầu tư, khám chữa bệnh, cấp phép xây dựng, cán bộ, công chức, viên

chức, giải quyết kiến nghị cử tri, người có công, xác nhận khuyết tật, trường học, chất lượng giáo dục, quản lý cầu đường, xe cơ giới, đào tạo sát hạch và cấp giấy phép lái xe, quản lý ngân sách, nhân sự, tiền lương, tài sản công, báo cáo giá, xử lý chồng chéo và trùng lặp trong hoạt động thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, lý lịch tư pháp ...

#### **V. CÁC ỨNG DỤNG, DỊCH VỤ.**

Các ứng dụng CNTT được đầu tư phát triển kịp thời, hỗ trợ công tác quản lý nhà nước, quản lý chuyên ngành, lĩnh vực và đặc biệt là phục vụ công tác CCHC, cụ thể:

- Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành đã được triển khai đồng bộ đến toàn bộ các cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã. Tỷ lệ văn bản đi/đến được chuyển trên môi trường mạng (hoàn toàn điện tử, vừa điện tử vừa giấy) đạt 98%. Hoàn thành kết nối, liên thông và trao đổi văn bản điện tử giữa Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh với Hệ thống của Văn phòng Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương qua Trục liên thông văn bản quốc gia. Đến nay, 100% văn bản đi của tỉnh được ký số và gửi đi thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia, số lượng văn bản trao đổi đi, đến giữa các đơn vị trong tỉnh, UBND tỉnh với các bộ, ngành, địa phương khác qua Trục liên thông trung bình trên 16.200 văn bản/tháng.

- 100% cơ quan hành chính nhà nước từ cấp tỉnh đến xã triển khai phần mềm Một cửa điện tử tích hợp Cổng cung cấp dịch vụ công, phục vụ công tác tiếp nhận và giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông cho tổ chức, công dân. Cổng cung cấp dịch vụ công trực tuyến được UBND tỉnh đã kết nối với Cổng cung cấp dịch vụ công Quốc gia và cung cấp 976 dịch vụ công mức độ 3, 4 của tỉnh trên Cổng dịch vụ công quốc gia, kết nối với nền tảng thanh toán trực tuyến của Chính phủ và kết nối đến hệ thống thông tin của một số Bộ, ngành, như: phần mềm cấp Lý lịch tư pháp của Bộ tư pháp, phần mềm Đăng ký Doanh nghiệp của Bộ kế hoạch Đầu tư. Đến nay, 100% các sở, ngành và UBND các huyện, thành phố đã thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả TTHC trên Cổng cung cấp dịch vụ công trực tuyến của tỉnh. Cổng cung cấp dịch vụ công trực tuyến của tỉnh niêm yết công khai 100% TTHC của 3 cấp chính quyền là tỉnh, huyện, xã, cung cấp 100% dịch vụ công mức độ 3, mức độ 4 đủ điều kiện. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn đạt 99,5%.

- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và của Tỉnh được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.

- Ngành Thuế tiếp tục triển khai các ứng dụng hỗ trợ người nộp thuế kê khai thuế trực tuyến, in hồ sơ thuế bằng mã vạch hai chiều, kê khai thông tin lưu trú trực tuyến, hoàn thuế điện tử ... nhằm tiết kiệm chi phí, thời gian cho người nộp thuế.

- 100% các cổng/trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước thuộc tỉnh cơ bản đáp ứng quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước và Thông tư số 32/2017/TT-BTTTT ngày 15/11/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- 100% cơ quan hành chính các cấp, đơn vị sự nghiệp trực thuộc, đơn vị sự nghiệp giáo dục triển khai, sử dụng phần mềm Quản lý cán bộ, công chức, viên chức.

- 100% cơ quan hành chính cấp tỉnh và huyện triển khai, sử dụng phần mềm Đơn đốc nhắc việc, hạn chế tình trạng chậm trễ, bỏ sót công việc, nhiệm vụ do UBND tỉnh và Thường trực UBND tỉnh giao cho các cơ quan, địa phương thực hiện.

- Trên 6.500 tài khoản thư điện tử đã được cấp cho các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh phục vụ trao đổi, gửi nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan hành chính nhà nước.

- Toàn tỉnh hiện được cấp 2.397 chứng thư số chuyên dùng (trong đó 540 chứng thư số cơ quan và 1.857 chứng thư số cá nhân); 100% cơ quan cấp tỉnh, huyện, xã đã được cấp chứng thư số; tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử và sử dụng chữ ký số trên văn bản điện tử tại các cơ quan nhà nước thuộc tỉnh đạt trên 98%.

- 100% các gói thầu được tổ chức đấu thầu qua mạng đối với tất cả các gói thầu tại các cơ quan, địa phương.

- Tổ chức duy trì, nâng cấp, phát triển mới các HTTT chuyên ngành, lĩnh vực thông qua các đề án, dự án, nhiệm vụ theo kế hoạch đã được phê duyệt, phục vụ đắc lực và nâng cao hiệu quả công tác quản lý chuyên môn của các cơ quan, đơn vị. Tiếp tục triển khai có hiệu quả các HTTT quản lý chuyên ngành, lĩnh vực do các cơ quan Trung ương chuyển giao thuộc các lĩnh vực: Tài nguyên môi trường, kế hoạch và đầu tư, y tế, xây dựng, lao động - thương binh và xã hội, giao thông vận tải, tài chính...

- Hoạt động nghiên cứu, triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực CNTT được quan tâm trong năm có trên 10 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được triển khai, nghiệm thu.

- Công tác rà soát, đánh giá hiệu quả triển khai ứng dụng CNTT được thực hiện thường xuyên và nghiêm túc, trong đó nổi bật là hoạt động đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT hàng năm đối với 100% cơ quan hành chính nhà nước từ

cấp tỉnh đến cấp huyện, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh qua công tác CCHC.

## **VI. NGUỒN NHÂN LỰC.**

- Tỉnh đã thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo xây dựng chính quyền điện tử của tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban, trực tiếp chỉ đạo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử tỉnh hướng tới Chính quyền số, nền kinh tế số và xã hội số.

- Tổ chức kiện toàn đội ngũ cán bộ chuyên trách về CNTT tại một số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và UBND cấp huyện; thành lập, kiện toàn Đội ứng cứu khẩn cấp sự cố an toàn thông tin mạng của tỉnh, thực hiện điều phối, tổ chức, phối hợp, hỗ trợ các cơ quan nhà nước ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh; làm đầu mối của tỉnh trong mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia; liên kết, phối hợp với các đội ứng cứu khẩn cấp sự cố an toàn thông tin mạng của các tỉnh, thành phố khác nhằm ứng phó kịp thời khi xảy ra sự cố an toàn thông tin mạng dưới sự điều phối của Trung tâm ứng cứu khẩn cấp máy tính Việt Nam (VNCERT).

- 100% các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện có cán bộ chuyên trách về CNTT và an toàn thông tin; công tác đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ chuyên môn CNTT cho đội ngũ cán bộ chuyên trách ứng dụng CNTT, kỹ năng ứng dụng CNTT và khai thác, sử dụng các HTTT cho cán bộ, công chức, viên chức được tổ chức thường xuyên nhằm đảm bảo cho việc triển khai các ứng dụng tại các cơ quan.

## **VII. AN TOÀN THÔNG TIN.**

- Công tác đảm bảo an toàn thông tin số trong hoạt động của cơ quan nhà nước đã được quan tâm, chú trọng thực hiện: Xây dựng và triển khai áp dụng Hệ thống quản lý an toàn, an ninh thông tin theo tiêu chuẩn ISO/IEC 27001 cho Trung tâm Dữ liệu của tỉnh; duy trì Đội ứng cứu khẩn cấp sự cố an toàn thông tin mạng của tỉnh; xây dựng và triển khai Kế hoạch ứng phó sự cố, bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh hàng năm, Kế hoạch triển khai Đề án giám sát an toàn thông tin mạng đối với hệ thống, dịch vụ CNTT phục vụ Chính quyền điện tử của tỉnh, Kế hoạch triển khai thực hiện chuyển đổi IPv6 trong cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh, Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh.

- Toàn tỉnh có một HTTT trực thuộc UBND tỉnh do sở Thông tin và Truyền thông quản lý và vận hành (Trung tâm tích hợp dữ liệu), trên 5.300 máy chủ/máy trạm thuộc các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, các UBND các xã, phường, thị trấn được thiết lập, cài đặt phần mềm phòng, chống mã độc. Tổ chức triển khai bảo đảm an toàn thông tin cho các HTTT theo mô hình “4 lớp”, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin thông đã thành lập Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng của tỉnh, tổ chức 02 đợt đào tạo kỹ năng đánh giá an toàn thông tin cho các

thành viên Đội ứng cứu và cán bộ chuyên trách CNTT của các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh. Hệ thống giám sát an toàn thông tin mạng của tỉnh (SOC) được UBND tỉnh quyết định đầu tư và đi vào hoạt động từ tháng 6 năm 2020 đã góp phần cảnh báo, phòng ngừa, giám sát và ứng phó với các sự cố mất an toàn an ninh mạng trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về an toàn thông tin mạng thông qua các lớp đào tạo, tập huấn, văn bản hướng dẫn và các phương tiện thông tin đại chúng: Tổ chức 02 đợt đào tạo kỹ năng đánh giá công tác đảm bảo an toàn thông tin, tổ chức 01 đợt diễn tập ứng phó sự cố an toàn thông tin cho cán bộ phụ trách an toàn thông tin của các sở, ban ngành, UBND cấp huyện; tuyên truyền, phổ biến các quy định về ứng dụng chữ ký số, quản lý và sử dụng chứng thư số, hướng dẫn sử dụng chức năng tích hợp ký số trên phần mềm Quản lý văn bản và điều hành, ứng dụng chữ ký số trong văn bản điện tử,...

### **VIII. KINH PHÍ THỰC HIỆN.**

Tổng kinh phí đã bố trí cho các nhiệm vụ, dự án ứng dụng CNTT của các cơ quan nhà nước trong năm 2021: 80,5 tỷ đồng.

## **Phần II**

### **KẾ HOẠCH CHÍNH QUYỀN SỐ VÀ ĐẢM BẢO AN TOÀN THÔNG TIN MẠNG TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC TỈNH NAM ĐỊNH NĂM 2022**

#### **I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH.**

- Luật Giao dịch điện tử ngày 29/11/2005;
- Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;
- Luật An toàn thông tin ngày 11/9/2015;
- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
- Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;
- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;
- Quyết định số 05/2017/QĐ-TTg ngày 16 tháng 3 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về hệ thống phương án ứng cứu khẩn cấp, bảo đảm an toàn thông tin mạng quốc gia;
- Quyết định số 632/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục lĩnh vực quan trọng cần ưu tiên bảo đảm an toàn thông tin mạng và hệ thống thông tin quan trọng quốc gia;

- Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh hoạt động của mạng lưới ứng cứu sự cố, tăng cường năng lực cho các cán bộ, bộ phận chuyên trách ứng cứu sự cố mạng trên toàn quốc đến năm 2020, định hướng đến 2025;

- Quyết định số 1017/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Giám sát an toàn thông tin mạng đối với hệ thống, dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ Chính phủ điện tử đến năm 2020, định hướng đến 2025";

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

- Quyết định số 1907/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021 -2025";

- Quyết định số 21/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin giai đoạn 2021 - 2025";

- Quyết định số 830/QĐ-TTg ngày 01 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình "Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng giai đoạn 2021 - 2025";

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại;

- Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp hạng của Việt Nam;

- Quyết định số 2323/BTTTT-THH ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0;

- Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 28/02/2020 của UBND tỉnh về việc Triển khai thí điểm dịch vụ đô thị thông minh tỉnh Nam Định.

- Quyết định số 3152/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 về việc phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin.

- Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Nam Định giai đoạn 2021- 2025. định hướng đến năm 2030.

- Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 25/12/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Nam Định giai đoạn 2021 - 2025.

## **II. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT.**

Hoàn thiện nền tảng Chính quyền điện tử của tỉnh nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; phát triển Chính quyền điện tử dựa trên dữ liệu, hướng đến Chính quyền số, nền kinh tế số và xã hội số; đảm bảo an toàn thông tin và an ninh mạng; nâng cao vị trí xếp hạng về chỉ số mức độ sẵn sàng cho phát triển chính quyền điện tử (ICT Index), chỉ số thành phần về hiện đại hóa nền hành chính trong bộ chỉ số CCHC (PAR Index) của tỉnh.

## **III. MỤC TIÊU CỤ THỂ.**

### **1. Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước.**

- Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật tạo cơ sở pháp lý đầy đủ cho việc ứng dụng CNTT, phát triển Chính quyền điện tử hướng đến Chính quyền số.

- Phát triển, mở rộng các hệ thống nền tảng, dùng chung của tỉnh; 100% CSDL dùng chung được chia sẻ, kết nối trên toàn tỉnh; các cơ quan nhà nước ở các cấp từng bước mở dữ liệu để phục vụ cung cấp dịch vụ công, thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số.

- 100% CSDL về hạ tầng kinh tế - xã hội của địa phương thường xuyên được cập nhật, kết nối, chia sẻ và tổ chức sử dụng có hiệu quả, phục vụ đắc lực cho công tác quản lý và chỉ đạo điều hành của các cấp chính quyền.

- 100% các HTTT, CSDL phục vụ quản lý chuyên ngành, lĩnh vực của các cơ quan, đơn vị được nâng cấp, mở rộng và phát triển mới phải đảm bảo khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu theo Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước, và đáp ứng yêu cầu Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh đã được phê duyệt.

- 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử; 90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, cấp huyện và 80% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 100% báo cáo định kỳ, báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh được thực hiện qua Hệ thống báo cáo của tỉnh; kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

- Bước đầu triển khai hồ sơ điện tử có thời hạn bảo quản vĩnh viễn được nộp vào Lưu trữ lịch sử tỉnh; cho phép khai thác trực tuyến tài liệu điện tử tại Lưu trữ lịch sử tỉnh; tích hợp dữ liệu lưu trữ số của tỉnh với Hệ thống Trung tâm dữ liệu số



quốc gia; tiến hành số hóa tài liệu có thời hạn bảo quản từ 50 năm trở lên tại một số đơn vị quản lý ở lĩnh vực quan trọng.

- 100% cán bộ chuyên trách về CNTT của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện được đào tạo nâng cao trình độ quản lý, trình độ chuyên môn đáp ứng được yêu cầu thực thi các nhiệm vụ thực tế. 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng ứng dụng CNTT, kỹ năng số.

- 100% gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu, 100% gói thầu sử dụng vốn Nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, 100% gói thầu mua sắm tập trung được tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng.

## **2. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp.**

- 100% các cổng/trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước thuộc tỉnh cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

- 100% dịch vụ công trực tuyến của tỉnh được tích hợp với cổng Dịch vụ công quốc gia ngay sau khi có quyết định công bố; 100% giao dịch trên Hệ thống Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến của tỉnh được xác thực điện tử.

- 100% TTHC đủ điều kiện được công bố thực hiện trực tuyến ở mức độ 3, 4, trong đó, TTHC mức độ 4 và được cung cấp trên nhiều phương tiện khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

- 100% người dân, doanh nghiệp tham gia các HTTT Chính quyền điện tử được xác thực định danh điện tử.

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết TTHC của tỉnh đạt từ 60% trở lên; tối thiểu 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết TTHC.

- Lĩnh vực du lịch: Bảo tàng tỉnh Nam Định, các điểm văn hóa, du lịch nổi bật cung cấp dịch vụ du lịch thực tế ảo và thanh toán trực tuyến; mỗi du khách được tư vấn, hỗ trợ trước, trong và sau khi đến Nam Định qua nền tảng số; ứng dụng công nghệ số, dữ liệu số để góp phần tạo mới ít nhất 01 sản phẩm du lịch mới.

- Lĩnh vực thương mại điện tử: các doanh nghiệp có tài khoản giao dịch thương mại điện tử; vận động dân số tham gia các hoạt động mua sắm trực tuyến.

- Lĩnh vực giao thông vận tải và logistics: Bước đầu thực hiện Quản lý giao thông qua camera và điều khiển tự động đèn tín hiệu giao thông dựa trên dữ liệu số; giám sát, điều khiển giao thông, truy vết và phát hiện vi phạm giao thông theo thời gian thực.

- Lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp: Bước đầu triển khai doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sử dụng dữ liệu số, công nghệ số trong sản xuất;

sản phẩm nông nghiệp truyền thống địa phương được kinh doanh qua mạng; các sản phẩm OCOP được đưa lên sàn giao dịch điện tử; xây dựng hệ thống điều khiển điện chiếu sáng công cộng thành phố thông qua các cảm biến IoT.

- Lĩnh vực tài nguyên và môi trường: Mỗi người dân, doanh nghiệp tra cứu được thông tin đất đai, quỹ đất trống, quỹ đất kêu gọi đầu tư qua mạng; nguồn nước mặt (ao, hồ), một số khu vực quan trọng của sông, biển được quan trắc tự động và cảnh báo sớm.

- Các dịch vụ CNTT của các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP); thông tin của người dân, doanh nghiệp được số hóa và lưu trữ tại CSDL của tỉnh không phải cung cấp lại.

### **3. Bảo đảm an toàn thông tin.**

- Nâng cao năng lực giám sát an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh để tăng cường khả năng phát hiện sớm, cảnh báo kịp thời, chính xác về các sự kiện, sự cố, dấu hiệu, hành vi, mã độc xâm hại, nguy cơ, điểm yếu, lỗ hổng có khả năng gây mất an toàn thông tin mạng đối với các hệ thống, dịch vụ CNTT phục vụ Chính quyền điện tử của tỉnh.

- Nâng cấp các hệ thống, đồng bộ và chuẩn hóa công tác giám sát an toàn thông tin mạng; xây dựng đội ngũ giám sát an toàn thông tin mạng chuyên nghiệp và kỷ luật.

- Tham gia, duy trì mạng lưới hệ thống giám sát an toàn thông tin mạng trên toàn quốc, đảm bảo liên kết, liên thông, phối hợp chặt chẽ, hiệu quả trong công tác giám sát, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông và cơ quan điều phối quốc gia (VNCERT).

- Hoàn thành triển khai, nâng cấp và duy trì bảo đảm an toàn thông tin mô hình 4 lớp (Kiện toàn lực lượng tại chỗ; lựa chọn tối thiểu một tổ chức, doanh nghiệp giám sát, bảo vệ chuyên nghiệp; định kỳ thực hiện kiểm tra, đánh giá độc lập; kết nối, chia sẻ thông tin với hệ thống giám sát quốc gia) theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông; áp dụng hệ thống quản lý an toàn thông tin mạng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật vào hoạt động của cơ quan, tổ chức.

- Hoàn thành triển khai, nâng cấp và duy trì Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC); kết nối và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (Cục An toàn thông tin).

- Tổ chức đào tạo, nâng cao kỹ năng chuyên môn và năng lực tham mưu công tác an toàn, an ninh thông tin cho đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT ở các cơ quan nhà nước các cấp để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

### **4. Hạ tầng kỹ thuật CNTT.**

- Tăng cường năng lực hạ tầng kỹ thuật cho Trung tâm Dữ liệu tỉnh và cơ quan

nhà nước các cấp để đáp ứng yêu cầu kỹ thuật cho việc triển khai xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh theo đúng lộ trình.

- Chuyển đổi IPv6 cho mạng lưới, dịch vụ, ứng dụng, phần mềm và thiết bị trên địa bàn tỉnh đảm bảo sự phát triển, tính sẵn sàng tương thích với sự phát triển mạnh mẽ của các xu hướng công nghệ mới trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

- 100% các cơ quan hành chính nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng và Nhà nước.

- Xây dựng và triển khai Đề án xây dựng thành phố thông minh tỉnh Nam Định.

#### **IV. NHIỆM VỤ.**

##### **1. Hoàn thiện môi trường pháp lý.**

- Xây dựng các văn bản tổ chức thực hiện và hướng dẫn thi hành để cụ thể hóa các văn bản của Đảng, Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương về công tác ứng dụng CNTT, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

- Hoàn thiện hệ thống pháp lý của tỉnh về CNTT, xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo và điều hành nhằm tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy triển khai ứng dụng CNTT, phát triển Chính quyền điện tử của tỉnh: Rà soát, cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử; xây dựng, cập nhật khung pháp lý phục vụ quản lý và triển khai Hệ thống GIS Nam Định; xây dựng, cập nhật các văn bản về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước, ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung, thay thế các quy chế khai thác, sử dụng các HTTT, CSDL để đảm bảo phù hợp các nội dung quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP và tình hình triển khai thực tế; xây dựng các quy định, hướng dẫn về thu thập, cập nhật, chia sẻ, khai thác thông tin, dữ liệu nhằm bảo đảm khả năng tiếp cận và sử dụng cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

- Xây dựng và triển khai chiến lược dữ liệu, kế hoạch phát triển dữ liệu, các cơ sở dữ liệu bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ, sử dụng chung dữ liệu trong cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh nhằm triển khai Chiến lược dữ liệu quốc gia sau khi được ban hành.

- Hoàn thiện cơ chế về tài chính và đầu tư cho ứng dụng CNTT, phát triển Chính quyền điện tử. Ưu tiên bố trí vốn đầu tư cho các chương trình, kế hoạch, dự án ứng dụng, phát triển CNTT, đào tạo nhân lực CNTT. Tạo môi trường pháp lý thuận lợi, thu hút các thành phần kinh tế đầu tư cho phát triển CNTT.

- Tạo điều kiện, thu hút các công ty, doanh nghiệp tham gia hoạt động thúc đẩy ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước, đặc biệt là các hoạt động về đào tạo nguồn nhân lực chuyên môn cao về CNTT và cung cấp các dịch vụ CNTT ưu tiên thuê dịch vụ đã được phê duyệt.

## **2. Phát triển hạ tầng số.**

- Bổ sung đầu tư, nâng cấp hạ tầng mạng, hạ tầng kết nối, hạ tầng an toàn thông tin tại Trung tâm Dữ liệu tỉnh để đáp ứng yêu cầu kỹ thuật cho việc triển khai xây dựng Chính quyền điện tử, chính quyền số theo lộ trình đã được phê duyệt.

- Xây dựng mạng diện rộng (WAN) của tỉnh, qua đó tổ chức tái cấu trúc hạ tầng CNTT của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố theo hướng kết hợp giữa mô hình tập trung và mô hình phân tán dựa trên các công nghệ điện toán đám mây nhằm khai thác sử dụng hiệu quả hạ tầng hiện có, đồng thời tăng cường khả năng bảo mật, sao lưu, phòng chống thảm họa, bảo đảm vận hành ổn định, an toàn thông tin, an ninh mạng của các HTTT, cơ sở dữ liệu.

- Đầu tư thiết bị, phần mềm bảo vệ hạ tầng mạng diện rộng, hỗ trợ theo dõi, phân tích sự kiện an toàn thông tin, phát hiện và phòng, chống xâm nhập cho các HTTT trước các cuộc tấn công mạng từ ngoài vào, đồng thời kiểm soát được các vấn đề bên trong hệ thống mạng.

- UBND cấp huyện đề xuất triển khai đầu tư mới và bổ sung, nâng cấp trang thiết bị CNTT và hạ tầng kỹ thuật phục vụ ứng dụng CNTT của các đơn vị thuộc và trực thuộc nhằm đáp ứng yêu cầu kỹ thuật cho việc triển khai xây dựng chính quyền điện tử địa phương theo lộ trình của Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh và Quyết định số 2392/QĐ- BTTTT ngày 25/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Phối hợp với nhà cung cấp dịch vụ Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh rà soát, đánh giá và triển khai giải pháp nâng cao chất lượng đường truyền nhằm đảm bảo duy trì kết nối thông suốt, đáp ứng yêu cầu khai thác của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Phát triển hạ tầng mạng Internet kết nối vạn vật (IoT); xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như: Giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số. Các nội dung phát triển hạ tầng IoT phải bảo đảm hiệu quả, phát triển các hạ tầng dùng chung, tránh đầu tư trùng lặp.

## **3. Phát triển các hệ thống nền tảng.**

- Xây dựng, triển khai nền tảng tích hợp ứng dụng và dịch vụ CNTT của tỉnh (LGSP) phục vụ kết nối nền tảng Chính phủ điện tử quốc gia; tích hợp các hệ thống ứng dụng, dịch vụ và CSDL dùng chung của tỉnh vào hệ thống; tích hợp phần mềm Một cửa điện tử với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, phần mềm quản lý chuyên ngành nhằm tạo thuận lợi cho cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình trao đổi, chia sẻ, sử dụng thông tin, dữ liệu.

- Nâng cấp, mở rộng và phát triển các HTTT nền tảng, dùng chung của tỉnh: Phần mềm Quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống Một cửa điện tử tích hợp công

cung cấp dịch vụ công, Chứng thư số chuyên dùng, Cổng thông tin điện tử, Phần mềm Quản lý cán bộ công chức, phần mềm Quản lý cán bộ, công chức, viên chức tỉnh, Hệ thống báo cáo tỉnh Nam Định, Hệ thống tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về kinh tế - xã hội và các HTTT dùng chung khác để phù hợp với công tác quản lý của tỉnh và của các ngành, lĩnh vực.

- Rà soát và triển khai đồng bộ, thống nhất Mạng truyền số liệu chuyên dùng phù hợp với phạm vi và tính chất triển khai Chính quyền điện tử, tiếp tục phát triển, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ và các yêu cầu về kỹ thuật, kết nối, an toàn thông tin.

- Hoàn thành các nhiệm vụ tại Kế hoạch triển khai thực hiện chuyển đổi IPv6 trong cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh. Vận hành ổn định IPv6 trên các HTTT điều hành và hệ thống dịch vụ công trực tuyến của tỉnh, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông. Yêu cầu các thiết bị CNTT, HTTT, CSDL có kết nối Internet thuộc các dự án, nhiệm vụ ứng dụng CNTT bắt buộc phải hỗ trợ kết nối IPv6.

- Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh đảm bảo chất lượng dịch vụ viễn thông, đặc biệt là tốc độ Internet, triển khai hiệu quả băng tầng mạng di động 4G, 5G.

#### **4. Phát triển dữ liệu.**

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai các cơ sở dữ liệu quốc gia trên địa bàn tỉnh, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước đối với các ngành, lĩnh vực và hỗ trợ doanh nghiệp phát triển. Từng bước hình thành các hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu mở cấp tỉnh.

- Xây dựng kho dữ liệu dùng chung của tỉnh, tích hợp với cổng dữ liệu quốc gia (data.gov.vn). Kết nối liên thông với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP) để kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu để khai thác, sử dụng.

- Hoạt động đầu tư mới CSDL, HTTT tại các sở, ngành, địa phương bảo đảm đồng bộ, thống nhất với các HTTT, CSDL do các bộ, ngành triển khai; không đầu tư trùng lặp với các CSDL quốc gia và danh mục các HTTT có quy mô và phạm vi triển khai từ Trung ương đến địa phương đã được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông, Cục Tin học hóa theo quy định tại Thông tư số 25/2014/TT-BTTTT ngày 30/12/2014.

- Hoàn thiện, xây dựng mới các CSDL dùng chung, CSDL chuyên ngành, lĩnh vực và các HTTT phải đáp ứng các yêu cầu về kết nối, chia sẻ dữ liệu theo Nghị định số 47/2020/NĐ-CP. Đối với các CSDL, HTTT chưa đáp ứng được yêu cầu thì cần có kế hoạch nâng cấp để đảm bảo khả năng tiếp nhận kết nối, chia sẻ dữ liệu.

- Công bố và thường xuyên cập nhật danh mục các CSDL dùng chung của tỉnh; xây dựng và triển khai kế hoạch cung cấp dữ liệu mở trong phạm vi toàn tỉnh

(gồm dữ liệu thống kê, dữ liệu dùng chung, dữ liệu đã được thông tin rộng rãi trên các công/trang thông tin điện tử, dữ liệu quan trắc ...). Phấn đấu mỗi đơn vị trực thuộc tỉnh cung cấp và duy trì ít nhất 01 bộ dữ liệu mở.

- Chủ quản cơ sở dữ liệu có trách nhiệm thiết lập và công bố các dịch vụ chia sẻ dữ liệu, các tài liệu kỹ thuật cần thiết phục vụ mục đích truy cập dữ liệu thuộc phạm vi dữ liệu do mình quản lý theo Điều 24 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

- Triển khai các nhiệm vụ tại Kế hoạch số hóa kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị, địa phương giai đoạn 2021 - 2025 theo lộ trình được phê duyệt.

- Cơ quan, đơn vị xây dựng và triển khai kế hoạch kiểm tra, đánh giá duy trì dữ liệu nội bộ hàng năm theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông quy định tại Điều 16 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

## **5. Phát triển các ứng dụng, dịch vụ.**

### **5.1. Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước.**

- Duy trì, nâng cấp, hoàn thiện các phần mềm dùng chung trong hoạt động của các cơ quan Đảng và Nhà nước trên địa bàn tỉnh. Tập trung nâng cao hiệu quả sử dụng các phần mềm và cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Tăng cường sử dụng, trao đổi văn bản điện tử, nhất là tại UBND các cấp, ứng dụng chứng thư số, chữ ký số trong liên thông văn bản điện tử.

- Đầu tư xây dựng và khai thác có hiệu quả các phần mềm nội bộ ứng dụng GIS phục vụ công tác chuyên môn của đơn vị, đảm bảo CSDL GIS nền, hạ tầng, hiện trạng, quy hoạch và CSDL chuyên ngành phải được cập nhật thường xuyên, liên tục, để kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu cho các phần mềm khác thuộc hệ thống.

- Phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh để tích hợp, chia sẻ dữ liệu báo cáo trong các cơ quan hành chính nhà nước. Dữ liệu báo cáo được tổng hợp vào kho dữ liệu chung, phân tích dữ liệu, hỗ trợ ra quyết định phục vụ chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, cơ quan hành chính nhà nước các cấp và hỗ trợ đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Tổ chức chuẩn hóa cấu trúc, hệ thống hóa mã định danh, thực hiện số hóa dữ liệu và cung cấp danh mục dữ liệu đã được số hóa theo quy định để tích hợp, chia sẻ giữa các HTTT của các cơ quan nhà nước.

- Nâng cấp hoàn thiện và triển khai Hệ thống Hội nghị giao ban trực tuyến của tỉnh phục vụ họp trực tuyến cho các sở, ban ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã, rút ngắn thời gian hội họp, giảm giấy tờ hành chính và nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước.

- Xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 trên phạm vi toàn tỉnh theo mô hình ISO điện tử, tích hợp và đồng bộ

với hệ thống tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh, đảm bảo là công cụ đắc lực cho các hoạt động CCHC trong các cơ quan nhà nước.

- Tăng cường sử dụng chữ ký số chuyên dùng của Chính phủ trong trao đổi văn bản điện tử với các cơ quan trên địa bàn tỉnh và các cơ quan bộ, ngành Trung ương; trong các loại hình giao dịch điện tử phục vụ quản lý, điều hành, xử lý công việc và cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Mở rộng triển khai dịch vụ chứng thực chữ ký số trong xác thực văn bản điện tử cho các HTTT, thiết bị di động để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, cán bộ, công chức, viên chức theo lộ trình của Chính phủ.

- Triển khai ứng dụng CNTT trong quản lý giáo dục và đào tạo, quản lý khám, chữa bệnh; từng bước hình thành HTTT về giáo dục điện tử, y tế điện tử trên địa bàn tỉnh để người dân được hưởng phúc lợi xã hội thông qua ứng dụng CNTT.

- Ứng dụng CNTT trong quản lý và phát triển ngành Du lịch của tỉnh, hướng đến môi trường du lịch thông minh hơn cho du khách; triển khai hoàn thành các nhiệm vụ tại Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động du lịch Nam Định đến năm 2025: xây dựng trung tâm điều hành số, hệ thống quản lý thông tin du lịch, hệ thống phân tích cơ sở dữ liệu ngành, dự báo thị trường khách du lịch, phần mềm ứng dụng hướng dẫn viên du lịch ảo, triển khai ứng dụng hỗ trợ thanh toán trung gian ...

- Đẩy mạnh việc tổ chức đấu thầu qua mạng theo lộ trình triển khai của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và của tỉnh.

## **5.2. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp.**

- Thường xuyên rà soát, đánh giá tình hình cung cấp thông tin trên các cổng/trang thông tin điện tử của các cơ quan, địa phương; đề xuất và triển khai hiệu quả các hoạt động nâng cấp, công tác an toàn thông tin cho các cổng/trang thông tin điện tử, bảo đảm kênh cung cấp, trao đổi thông tin giữa cơ quan nhà nước với người dân, doanh nghiệp được duy trì ổn định, liên tục và thông suốt.

- Tiếp tục triển khai Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 08/8/2018 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và Kế hoạch số 99/KH-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC. Hoàn thiện và đồng bộ hóa cơ sở dữ liệu TTHC của tỉnh với cổng Dịch vụ công quốc gia. Bổ sung dịch vụ, tiện ích trực tuyến phục vụ khách hàng. Thực hiện TTHC trên môi trường điện tử, số hóa kết quả giải quyết TTHC theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ và lộ trình của tỉnh.

- Rà soát, mở rộng danh mục TTHC thực hiện trực tuyến, danh mục TTHC

thực hiện thanh toán trực tuyến và danh mục TTHC áp dụng dịch vụ bưu chính công ích, đảm bảo đạt chỉ tiêu đề ra. Tăng cường các biện pháp truyền thông, tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến; phát huy hiệu quả của mạng lưới bưu chính công ích và chính quyền cơ sở trong công tác hỗ trợ, thúc đẩy người dân, doanh nghiệp thay đổi hành vi thực hiện TTHC.

- Xây dựng, triển khai có hiệu quả Hệ thống tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về kinh tế - xã hội tỉnh Nam Định; tiếp tục duy trì các kênh thông tin tiếp nhận ý kiến khách hàng trong hoạt động cung cấp, giải quyết TTHC cho toàn tỉnh và hệ thống cung cấp dịch vụ tin nhắn tự động thông báo kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, công dân và các tiện ích khác.

- Tiếp tục triển khai sử dụng có hiệu quả và có kế hoạch nâng cấp các ứng dụng khác phục vụ người dân, doanh nghiệp như: Hệ thống phần mềm quản lý cây trồng vật nuôi, Quản lý dữ liệu ngành văn hóa thông tin, cán bộ công chức, thi đua khen thưởng ngành giáo dục... Triển khai hoàn thành các nhiệm vụ tại Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử tỉnh Nam Định giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch ứng dụng CNTT của các ngành, lĩnh vực khác sau khi được phê duyệt.

## **6. Bảo đảm an toàn thông tin.**

- Thường xuyên rà soát, cập nhật, xây dựng và ban hành các kế hoạch, quy chế, quy định về bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan, tổ chức.

- Tổ chức triển khai các nhiệm vụ tại Kế hoạch triển khai thi hành Luật An toàn thông tin mạng, Kế hoạch ứng phó sự cố, bảo đảm an toàn thông tin mạng hàng năm, Kế hoạch giám sát an toàn thông tin mạng đối với hệ thống, dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ Chính quyền điện tử tỉnh ...; tổ chức thực hiện tốt các quy định đảm bảo an toàn thông tin số trong hoạt động ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh. Phát huy vai trò của Đội ứng cứu khẩn cấp sự cố an toàn thông tin mạng của tỉnh, chú trọng nâng cao năng lực đội ngũ chuyên trách CNTT nhằm bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

- Chuẩn hóa hệ thống mạng, quy trình quản lý an toàn hạ tầng kỹ thuật tại Trung tâm Dữ liệu tỉnh và các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh. Thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng, chống mã độc, bảo vệ 100% máy trạm, thiết bị đầu cuối liên quan tại các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và cấp xã.

- Sở Thông tin và Truyền thông triển khai đồng bộ các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp, triển khai trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC) tại tỉnh, đáp ứng yêu cầu, hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Thường xuyên rà soát, cập nhật, phê duyệt cấp độ an toàn cho các HTTT và triển khai phương án bảo đảm an toàn theo cấp độ. Định kỳ, đột xuất thực hiện



kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch dự phòng, sao lưu dữ liệu, bảo đảm hoạt động liên tục của cơ quan, tổ chức; sẵn sàng khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống sau khi gặp sự cố mất an toàn thông tin mạng.

- Tổ chức đào tạo hoặc cử cán bộ chuyên trách về an toàn thông tin, CNTT tham gia các khóa đào tạo về quản lý, kỹ thuật về an toàn thông tin. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và trang bị kỹ năng cơ bản về an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, tổ chức nhà nước và người dùng Internet trên địa bàn.

- Các cơ quan, địa phương tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động nội bộ của đơn vị; thực hiện quản lý chặt chẽ việc sử dụng các thiết bị, phương tiện kỹ thuật số có tính năng lưu trữ, trao đổi thông tin để phòng ngừa lộ, lọt thông tin qua mạng; kiểm tra an ninh và an toàn thông tin các thiết bị, phần mềm hệ thống, phần mềm thương mại, phần mềm ứng dụng và các công cụ khác trước khi đưa vào sử dụng; các thiết bị, phần mềm do tổ chức, cá nhân nước ngoài tặng hoặc tài trợ phải được kiểm định an toàn trước khi sử dụng.

- Tăng cường phối hợp với các lực lượng Công an, Quân đội, cơ yếu để sẵn sàng, chủ động phòng ngừa và xử lý các tình huống phát sinh trong lĩnh vực an toàn, an ninh thông tin. Bảo đảm an toàn, an ninh các HTTT trọng yếu của tỉnh.

- Bảo đảm tỷ lệ kinh phí chi cho các sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng đạt tối thiểu 10% trong tổng kinh phí triển khai các dự án, nhiệm vụ CNTT (trong trường hợp chủ đầu tư chưa có hệ thống kỹ thuật hoặc thuê dịch vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng chuyên biệt đáp ứng được các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn HTTT theo cấp độ).

## **7. Phát triển nguồn nhân lực.**

- Chú trọng các chương trình đào tạo, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức về Chính phủ điện tử, Chính quyền điện tử, Chính quyền số; về khai thác, sử dụng các HTTT, làm việc trên môi trường mạng, giải quyết dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4. Tổ chức đào tạo, tập huấn về xây dựng, triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh cho các thành viên Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh, thành viên Tổ giúp việc của Ban Chỉ đạo. Tổ chức đào tạo, tập huấn cho cán bộ chuyên trách về CNTT trong các cơ quan nhà nước, đặc biệt là cán bộ, công chức, viên chức phụ trách về CNTT ở các ngành có ứng dụng chuyên sâu như: Giáo dục và đào tạo, y tế, giao thông, tài nguyên môi trường, thông tin và truyền thông ... trong đó, cần chú trọng đào tạo kiến thức chuyên sâu về an ninh, an toàn mạng và bảo mật thông tin.

- Cử cán bộ chủ chốt tham gia chương trình đào tạo, tập huấn đội ngũ chuyên

gia về chuyển đổi số do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức. Các chuyên gia này tiếp tục đào tạo lại cho cán bộ liên quan ở các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Tạo điều kiện về thời gian hoặc xem xét, cử cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước tham gia thi tuyển và học tập các chương trình đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn về CNTT phù hợp với vị trí việc làm.

- Đẩy mạnh, đổi mới công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp trong việc ứng dụng CNTT, phát triển Chính quyền số.

## **V. GIẢI PHÁP.**

### **1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp.**

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền thông qua việc ứng dụng đa dạng các kênh truyền thông, nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ của Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

- Nâng cấp, tích hợp các tiện ích, ứng dụng hỗ trợ tương tác trực tuyến giữa cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp trên các cổng/trang thông tin điện tử (TTĐT) của cơ quan nhà nước và HTTT cung cấp dịch vụ công.

- Tích cực truyền thông quảng bá Trung tâm Dịch vụ hành chính công, cách thức nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến, đăng ký nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích trên các phương tiện thông tin đại chúng trong và ngoài tỉnh, trên mạng xã hội Facebook, Zalo, Youtube ...

- Nâng cao chất lượng nội dung các chương trình truyền thông Chính phủ điện tử, Chính quyền điện tử trên Đài Phát thanh và Truyền hình, tăng cường lồng ghép tuyên truyền về CCHC, dịch vụ công trực tuyến, chính quyền điện tử, chính quyền số; duy trì tổ chức các sự kiện ICT hàng năm.

### **2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp.**

- Tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích trong việc triển khai Chính quyền điện tử và hỗ trợ cá nhân, tổ chức thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

- Có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cơ sở hạ tầng CNTT phục vụ triển khai, phát triển Chính quyền điện tử.

- Ưu tiên xây dựng Chính quyền điện tử của tỉnh theo hình thức thuê dịch vụ CNTT do các doanh nghiệp CNTT cung cấp, sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định.

- Ưu tiên sử dụng sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng của doanh nghiệp trong nước đáp ứng yêu cầu về an toàn, an ninh mạng theo quy định của pháp luật cho các HTTT phục vụ Chính quyền điện tử của tỉnh; thuê dịch vụ kiểm tra, đánh giá định kỳ an toàn thông tin mạng đối với HTTT thuộc quyền quản lý hoặc kiểm tra,

đánh giá đột xuất khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

- Tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ số đến các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

### **3. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ.**

Đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ số vào triển khai Chính quyền điện tử, Chính quyền số của tỉnh như điện toán đám mây, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo...

### **4. Thu hút nguồn lực CNTT.**

- Nghiên cứu, xây dựng các cơ chế khuyến khích, chính sách ưu đãi để thu hút chuyên gia, nhân lực tham gia xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử.

- Hoàn thiện cơ chế về tài chính và đầu tư cho ứng dụng CNTT, phát triển Chính quyền điện tử. Ưu tiên bố trí vốn đầu tư cho các chương trình, kế hoạch, dự án ứng dụng, phát triển CNTT, đào tạo nhân lực CNTT.

- Tạo điều kiện, thu hút các công ty, doanh nghiệp tham gia hoạt động thúc đẩy ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước, đặc biệt là các hoạt động về đào tạo nguồn nhân lực chuyên môn cao về CNTT, cung cấp các dịch vụ thuộc danh mục dịch vụ CNTT sản xuất trong nước được ưu tiên đầu tư, mua sắm theo quy định của Thông tư số 47/2016/TT-BTTTT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Kêu gọi nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương qua các chương trình, dự án triển khai theo ngành dọc từ Trung ương đến địa phương; các chương trình mục tiêu quốc gia; các chương trình, dự án khác.

- Huy động nguồn vốn từ doanh nghiệp, các nhà tài trợ, các tổ chức trong và ngoài nước có nhu cầu đầu tư, hỗ trợ trong lĩnh vực CNTT.

### **5. Tăng cường hợp tác quốc tế.**

Đẩy mạnh hợp tác, học tập kinh nghiệm quốc tế và tranh thủ sự giúp đỡ của các nước, các tổ chức quốc tế và các tập đoàn mạnh về phát triển Chính phủ điện tử/Chính phủ số, Chính quyền điện tử/Chính quyền số.

## **VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN.**

Tổng kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, dự án ứng dụng CNTT, phát triển chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng của các cơ quan nhà nước năm 2022 là: 100 tỷ đồng.

## **VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Thông tin và Truyền thông.**

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát; cho ý kiến về nội dung chuyên môn đối với các đề án, dự án, nhiệm vụ triển khai Kế hoạch; tổng hợp thông tin, số liệu về

tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch.

b) Căn cứ Kế hoạch này, tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các đơn vị trong tỉnh xây dựng kế hoạch Phát triển chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Nam Định năm 2022; nghiên cứu, đề xuất bổ sung các dự án, nhiệm vụ CNTT nhằm triển khai hoàn thành các mục tiêu đã đề ra, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

c) Phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm đẩy mạnh ứng dụng CNTT, phát triển chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về CNTT trên địa bàn tỉnh.

d) Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện việc đánh giá, xếp hạng mức độ phát triển chính quyền số của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

đ) Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn, hỗ trợ các ngành, địa phương trong việc thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch, kịp thời báo cáo UBND tỉnh xử lý, tháo gỡ khó khăn trong quá trình triển khai.

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng trong quá trình thực hiện các nội dung của Kế hoạch. Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tin đại chúng tăng cường và đổi mới công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và kiến thức về CNTT trong xã hội.

g) Chỉ đạo các doanh nghiệp dịch vụ viễn thông, CNTT tăng cường nâng cao chất lượng dịch vụ đảm bảo các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật CNTT, viễn thông và công tác an toàn, an ninh thông tin.

h) Phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi để Bưu điện tỉnh, các doanh nghiệp tham gia phát triển Chính quyền điện tử theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

i) Tham mưu xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá dữ liệu số đang được quản lý tại các cơ quan nhà nước thuộc tỉnh, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện.

### **3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính**

Trên cơ sở dự toán của các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ, tổng hợp, cân đối kinh phí theo khả năng ngân sách tỉnh để tham mưu trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch đối với nhiệm vụ do ngân sách tỉnh đảm bảo theo đúng quy định.

### **4. Sở Nội vụ.**

a) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng các chương trình, nội dung phối hợp giữa cơ quan Nội vụ và cơ quan Thông tin và Truyền thông để gắn kết hoạt động ứng dụng CNTT, xây dựng Chính quyền số với công tác CCHC.

b) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu phương án bổ sung hoàn thiện cơ cấu bộ máy quản lý nhà nước về CNTT, đảm bảo về số lượng và cơ cấu trình độ chuyên môn để đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý nhà nước và triển khai ứng dụng CNTT, đặc biệt là tại cấp huyện, cấp xã.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông nghiên cứu, tham mưu xây dựng Kế hoạch tuyển dụng công chức, viên chức theo hướng tạo điều kiện tuyển dụng nhân lực có trình độ CNTT vào làm việc tại UBND cấp huyện, xã.

d) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu các chính sách ưu đãi, thu hút nguồn nhân lực CNTT có trình độ cao đáp ứng nhu cầu công việc về công tác tại tỉnh; cơ chế chính sách đãi ngộ, đào tạo nâng cao và sử dụng đội ngũ cán bộ chuyên trách về CNTT.

đ) Thực hiện tốt công tác đánh giá thi đua khen thưởng của các cơ quan, địa phương, trong đó có kết hợp lồng ghép các nội dung đánh giá xếp hạng ứng dụng CNTT.

### **5. Sở Khoa học và Công nghệ.**

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu bố trí nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ để triển khai các hoạt động ứng dụng CNTT.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực CNTT đã được phê duyệt tại Kế hoạch phát triển Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2021 - 2025, kế hoạch hàng năm.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức kiểm tra nội dung, tiến độ triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực CNTT; tổng hợp báo cáo kết quả triển khai ứng dụng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực CNTT vào thực tiễn quản lý.

### **6. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố**

a) Căn cứ Kế hoạch phát triển chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng năm 2022 của tỉnh, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố cụ thể hóa vào Kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm của đơn vị và tổ chức thực hiện, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế nhằm góp phần đạt các chỉ tiêu được xác định trong Kế hoạch này.

b) Theo chức năng, nhiệm vụ, các chỉ tiêu được xác định trong Kế hoạch này, các sở, ban ngành, địa phương xây dựng dự toán triển khai các dự án, nhiệm vụ ứng dụng CNTT gửi Sở Tài chính thẩm định, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí theo kế hoạch từng năm; đồng thời gửi Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp trong Kế hoạch ứng dụng CNTT của tỉnh.

c) Thực hiện báo cáo kết quả triển khai Kế hoạch này về Ban Chỉ đạo xây dựng chính quyền điện tử tỉnh theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông.

## **7. Đài Phát thanh - Truyền hình Nam Định, Báo Nam Định, Cổng Thông tin điện tử tỉnh.**

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và kiến thức về phát triển chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng; tăng cường thời lượng tuyên truyền, phổ biến các hoạt động ứng dụng CNTT, phát triển chính quyền số và truyền thông tại địa phương.

Trên đây là Kế hoạch phát triển chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng năm 2022 trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Nam Định. Yêu cầu các cơ quan, đơn vị và địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức, chỉ đạo thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị kịp thời báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp) để xem xét, giải quyết./

***Nơi nhận:***

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VP1, VP7.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Lê Đoài**